

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DSTC-ST  
Ngày 08 tháng 7 năm 2022.  
V/v: “T/C hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Triệu Minh Tư  
2. Ông Đặng Thế Phong

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hồng - Thư ký viên  
Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2021/TLST - DSTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐST-DSTC ngày 28/4/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-DSTC ngày 20 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐST-DSTC ngày 10 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/QĐST-DSTC ngày 24 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T; Địa chỉ: Tổ 09, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hoàng Tuấn L; Địa chỉ: Số 136 H, quận H, Hà Nội

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Th; Địa chỉ: Tổ 16, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Gian, có mặt.

**NHẬN THẤY**

Theo đơn khởi kiện ngày 12/11/2021, bản tự khai ngày 08/12/2021 và quá trình giải quyết đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hoàng Tuấn L trình bày:

Vào năm 2014 bà Nguyễn Thị T đã cho chị Nguyễn Thị Th vay số tiền 1.120.000.000 (*Một tỉ một trăm hai mươi triệu đồng*), đến ngày 30/10/2015 chị Th đã trả cho bà T số tiền 640.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền 480.000.000 đồng. Việc trả nợ và xác nhận số nợ còn lại đã được chị Th viết giấy xác nhận vào ngày 30/10/2015 và hẹn đến tháng 12/2015 sẽ trả hết số nợ gốc 480.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng. Hết tháng 12/2015 chị Th không thực hiện được trả nợ như cam kết, nhiều lần bà T yêu cầu chị Thủy trả nợ nhưng chị Th không trả được nợ. Do vậy, bà T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Th phải trả cho bà T toàn bộ số nợ gốc 480.000.000 đồng và lãi suất của số tiền vay trong hạn và lãi suất quá hạn tính từ ngày 01/01/2016 cho đến khi xét xử vụ án, mức lãi suất quá hạn đề nghị áp dụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn, chị Th trình bày: Chị Th xác nhận chị có vay của bà Nguyễn Thị T số tiền là 1.120.000.000đ (*Một tỉ một trăm hai mươi triệu*) vào thời gian năm 2014 là đúng, đến ngày 30/10/2015 chị đã trả được cho bà T số tiền 640.000.000 đồng (trả bằng giá trị mảnh đất thuộc quyền sử dụng của chị). Chị Th xác nhận hiện nay chị còn nợ của bà T số tiền 480.000.000 đồng là đúng. Do điều kiện kinh tế của chị gặp khó khăn nên chị chưa trả được nợ cho bà T, chị đề nghị bà T cho chị trả nợ dần theo mức 500.000đ/tháng cho đến khi trả xong số tiền 480.000.000 đồng, nếu chị có điều kiện và làm ăn được chị sẽ trả mức cao hơn 500.000đ/tháng. Chị Th không đồng ý trả tiền lãi suất của số tiền 480.000.000 đồng cho bà T, vì lý do theo giấy trả tiền chị cung cấp cho Tòa án khoản vay nêu trên không có lãi nên chị không nhất trí trả lãi. Đối với chứng cứ là “giấy trả tiền” xác nhận chị đã trả số tiền 640.000.000đ và xác nhận nội dung chị còn nợ lại số tiền 480.000.000đ và hẹn ngày thanh toán nợ và lãi suất 1 % /tháng do bà T cung cấp, chị Th khẳng định nội dung chữ viết “*hẹn đến tháng 12/2015 tôi sẽ trả hết số tiền còn lại lãi suất 1%/tháng....*” dưới phần chữ ký trên giấy trả tiền ngày 30/10/2015 đúng là chữ viết của chị nhưng nội dung thỏa thuận này được viết sau khi chị không trả được nợ đúng hạn và bà T đã đòi tiền chị nhiều lần, bà T nói với chị là nếu không trả được đúng hạn phải chịu lãi nên chị buộc phải xác nhận lãi suất vào giấy trả tiền ngày 30/10/2015 của bà T.

Tòa án thực hiện việc kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng hai bên đương sự không thống nhất được thời hạn thanh toán số tiền nợ và lãi suất.

Tại phiên toà hôm nay:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc chị Th phải trả cho bà T số tiền 480.000.000đ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn: Chị Th nhất trí trả cho bà T số tiền 480.000.000đ; không nhất trí trả số tiền lãi suất của khoản vay nêu trên.

\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; xác định tư cách tham gia tố tụng như nguyên đơn, bị đơn (Điều 68, 71, 72 BLTTDS); thu thập, xác minh chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn theo quy định tại điều 220 BLTTDS, việc cấp, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng được thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX, thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

\* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm g Điều 40, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 280, 282, 357, 463, 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc chị Nguyễn Thị Th trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền gốc là 480.000.000đ, ngoài ra, chị Th còn phải trả lãi suất trong hạn kể từ ngày 01/11/2015 đến ngày 30/12/2015 theo mức 1%/ 1 tháng và lãi suất quá hạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày xét xử theo mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định.

- Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Th phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Bà T không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật và trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà T.

## **XÉT THẤY**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị T địa chỉ: Tổ 9, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với chị Nguyễn Thị Th; địa chỉ: Tổ 16, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

[2]. Tại phiên tòa vắng mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hoàng Tuấn L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ

luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[3]. Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị T cho chị Nguyễn Thị Th vay số tiền 1.120.000.000đ để chi dùng cá nhân. Như vậy, xác định tranh chấp là Hợp đồng vay tài sản và là tranh chấp dân sự, được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015; Do vậy, Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4]. Về nội dung: Xét yêu cầu đòi nợ của bà T là có cơ sở, quá trình giải quyết bà T đã xuất trình chứng cứ xác nhận việc chị Th có vay số tiền 1.120.000.000đ (*Một tỉ một trăm hai mươi triệu*) là “Giấy trả tiền” được ký kết giữa bà T và chị Th vào ngày 30/10/2015. Theo nội dung của “Giấy trả tiền” đã xác định việc chị Th đã vay của bà T số tiền 1.120.000.000đ, đến ngày 30/10/2015 chị Th đã trả cho bà T số tiền 640.000.000đ và còn nợ lại số tiền 480.000.000đ và hẹn đến tháng 12/2015 sẽ trả hết nợ. Chị Th cũng thừa nhận hiện nay chị còn nợ của bà T số tiền 480.000.000đ chưa có khả năng trả nợ. Do hai bên đều thừa nhận về số nợ chị Th chưa thanh toán, căn cứ vào Điều 92- Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận chị Th còn nợ của bà T số tiền 480.000.000đ từ ngày 30/10/2015, do chị Th không thực hiện việc trả nợ như đã cam kết nên bà T khởi kiện là có căn cứ. Như vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc chị Th phải trả cho bà T số tiền 480.000.000đ (*Bốn trăm tám mươi triệu đồng*).

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc chị Th phải trả lãi suất của số tiền gốc 480.000.000đ, do quá hạn chị Th không trả nợ. Thấy rằng, yêu cầu của bà T về việc buộc chị Th phải trả tiền lãi suất của khoản vay chậm thanh toán là có căn cứ. Bởi lẽ: Theo nội dung của “Giấy trả tiền” đề ngày 30/10/2015 do bà T cung cấp có nội dung hai bên thỏa thuận về lãi suất áp dụng là 1%/tháng. Mặc dù chị Th cho rằng khoản tiền chị vay của bà T là loại vay không có lãi và chị Th cung cấp chứng cứ là một giấy trả tiền đề ngày 30/10/2015 có cùng nội dung như giấy trả tiền do bà T cung cấp (*không có phân xác nhận lãi suất*) nhưng bản thân chị Th cũng xác nhận nội dung thỏa thuận lãi suất trong giấy trả tiền do bà T cung cấp: “*hẹn đến tháng 12/2015 tôi sẽ trả hết số tiền còn lại lãi suất 1%/tháng. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật*” là chữ viết của chị, việc chị viết xác nhận lãi suất là do khi bà T đòi nợ chị nhiều lần không được và chị viết nội dung này sau khi ký kết giấy trả nợ ngày 30/10/2015, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự những tình tiết sự kiện không phải chứng minh là “*một bên đương sự thừa nhận...*”. Còn việc chị Th khai chị viết nhận lãi suất là do bị bà T ép buộc, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Th đều khai không có chứng cứ chứng minh việc bà T ép buộc chị viết nhận trả lãi suất cho khoản vay nêu trên. Do đó, có căn cứ xác định khoản tiền chị Th còn nợ của bà T 480.000.000đ là loại vay có lãi. Vì thế, việc chị Th không trả nợ cho bà T theo đúng thỏa thuận, nên bà T đề nghị chị Th phải trả lãi suất cho khoản vay do vi phạm thời hạn trả nợ là có căn cứ chấp nhận.

[5]. Quá trình giải quyết theo giấy trả nợ và xác nhận nợ ngày 30/10/2015, đã ghi rõ nội dung về lãi suất trong hạn là 1%/ tháng, mức lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Đối với phần lãi suất quá hạn nguyên đơn đề nghị áp dụng mức lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước quy định là 0,83%/1 tháng và lãi suất quá hạn áp dụng theo điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự và không đề nghị phạt lãi. Xét đề nghị của nguyên đơn về việc áp dụng lãi suất là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Cụ thể:

(1). Lãi trong hạn: Từ ngày 30/10/2015 đến ngày 30/12/2015 = 02 tháng; mức lãi suất 1%/1 tháng theo thỏa thuận tại giấy trả tiền ngày 30/10/2015.

$$480.000.000đ \times 1\% \times 02 \text{ tháng} = 9.600.000đ.$$

(2). Lãi suất quá hạn: Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 08/7/2022 = 78 tháng 08 ngày; mức lãi suất áp dụng 0,83% x 150% quá hạn = 1,245%/1 tháng

$$- 480.000.000đ \times 1,245\% : 78 \text{ tháng} = 466.128.000đ.$$

$$- 480.000.000đ \times 1,245\% : 30 \text{ ngày} \times 07 \text{ ngày} = 1.593.600đ.$$

$$\text{Tổng số tiền lãi (1) + (2): } 466.128.000đ + 1.593.600đ = 467.722.200đ$$

[6]. Từ những phân tích trên tại các mục [3], [4], [5], Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tân. Buộc chị Nguyễn Thị Th phải trả cho bà T số tiền nợ gốc là 480.000.000đ + số tiền lãi là 477.322.200đ, tổng số tiền chị Th phải trả là 957.322.200đ (*Chín trăm năm mươi bảy triệu ba trăm hai mươi hai nghìn hai trăm đồng*)

[7]. Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 800.000.000đ là 36.000.000đ (1); 157.322.200đ x 3% = 4.719.666đ (2). Tổng số (1)+ (2) là 40.719.666đ (*Bốn mươi triệu bảy trăm mười chín nghìn sáu trăm sáu mươi đồng*). Bà T không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468, 470, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 144 Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 NQ 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; điểm d khoản 1.3, 1 mục II danh mục mức án phí lệ phí toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Xử: Buộc chị Nguyễn Thị Th phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 957.322.200đ (*Chín trăm năm mươi bảy triệu ba trăm hai mươi hai nghìn hai trăm đồng*).

*Kể từ ngày bản án có hiệu pháp luật (đối với trường hợp cơ quan THA có quyền chủ động ra quyết định THA) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được THA (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

3 Án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 40.719.666đ (*Bốn mươi triệu bảy trăm mười chín nghìn sáu trăm sáu mươi đồng*).

Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí 18.274.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H, Biên lai thu số 0000608 ngày 25/11/2021.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt có kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.*

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố H.
- Các đương sự.
- CC THADS TP H.
- Lưu HS.
- Lưu bộ phận

**Lê Thị Thanh Bình**

